

Số: 60/2020/QĐST-HNGĐ

Phong Điền, ngày 23 tháng 6 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 15 tháng 6 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 149/2019/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1975; Địa chỉ: Thôn T P, xã A T, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.

Bị đơn: Ông Trần Xuân B, sinh năm: 1972; Địa chỉ: Thôn V N, xã P X, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Võ Thị H, sinh năm: 1992; Địa chỉ: Thôn V N, xã P X, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Nguyễn Thị L và ông Trần Xuân B xác nhận hai người kết hôn vào năm 1995 và sau đó vào tháng 01/2010 thì cả hai ly hôn. Trong quá trình hôn nhân, chung sống thì bà L và ông B có tạo dựng được một số tài sản gồm 01 ngôi nhà và 19 thửa đất tọa lạc tại xã P X, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Sau khi ly hôn bà L đã ra tỉnh Quảng Trị làm ăn sinh sống, thì ông B kết hôn với bà Võ Thị H và tự ý đi làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông B và bà H trong 17 thửa đất của 19 thửa đất trên (trừ thửa 1339 và 313). Khi biết tin, bà L đã có đơn yêu cầu nên UBND huyện Phong Điền đã thu hồi lại tất cả các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên.

Nay các bên đương sự tự thỏa thuận:

2.1 Bà Nguyễn Thị L giao toàn bộ 18 thửa đất cho ông B được toàn quyền sở hữu và sử dụng gồm:

- Thửa đất số 287, 288, 289,292, 431 tờ bản đồ số 56;
- Thửa đất số 118, 136, 143,146,164,165,144,145 tờ bản đồ số 57;
- Thửa đất số 334, tờ bản đồ số 66;
- Thửa đất số 01, 04, 05 tờ bản đồ số 73;
- Thửa đất số 1339 tờ bản đồ số 01.

Tất cả các thửa đất nêu trên đều tọa lạc tại xã P X, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Tổng giá trị của 18 thửa đất kể trên là 280.244.420 đồng (theo kết luận định giá ngày 06/5/2020).

Ông Trần Xuân B có nghĩa vụ đến cơ quan có thẩm quyền để đăng ký, kê khai toàn bộ số tài sản trên theo quy định pháp luật (có trích thửa đo vẽ kèm theo).

2.2 Ông Trần Xuân B và bà Võ Thị H giao thửa đất số 313 tờ bản đồ số 56 tọa lạc tại xã P X, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế và toàn bộ tài sản gắn liền với đất, cho bà Nguyễn Thị L được toàn quyền sở hữu và sử dụng. Giá trị nhà đất và tài sản gắn liền với đất là 358.034.630 đồng (theo kết luận định giá ngày 06/5/2020). Bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ đến cơ quan có thẩm quyền để đăng ký, kê khai toàn bộ số tài sản trên theo quy định pháp luật (có trích thửa đo vẽ kèm theo).

2.3 Bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ thanh toán cho ông Trần Xuân B và bà Võ Thị H 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) để bù chênh lệch giá trị tài sản được hưởng. Hai bên thỏa thuận bà L giao tiền cho ông B và bà H, hạn cuối là vào ngày 30/5/2021; thời hạn ông B và bà H giao nhà cho bà L, hạn cuối là vào ngày 30/5/2021.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí Dân sự sơ thẩm: Các bên thỏa thuận bên nào được hưởng phần tài sản nào thì phải chịu án phí theo giá trị tương ứng phần được hưởng theo kết luận định giá tài sản số 02/KL-HĐĐGTS ngày 06/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện Phong Điền.

Ông Trần Xuân B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm: $280.244.420 \text{ đồng} \times 5\% \times 50\% = 7.006.110 \text{ đồng}$ (làm tròn số: 7.006.000 đồng).

Bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm: $358.034.630 \text{ đồng} \times 5\% \times 50\% = 8.950.865 \text{ đồng}$ (làm tròn số: 8.950.800 đồng). Nhưng bà Nguyễn Thị L đã nộp tạm ứng án phí là 31.770.000 đồng theo biên lai số: 008518 ngày 30/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền, nên được trừ vào tiền án phí. Bà Nguyễn Thị L được hoàn trả số tiền tạm nộp án phí ($31.770.000 \text{ đồng} - 8.950.800 \text{ đồng}$) = 22.819.200 đồng (Hai mươi hai triệu, tám trăm mười chín nghìn, hai trăm đồng).

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Số tiền là 7.200.000 đồng bà Nguyễn Thị L tự nguyện chịu toàn bộ, bà L đã nộp đủ chi phí.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT Huế;
- VKSND huyện Phong Điền;
- Các đương sự;
- Chi cục THA DS huyện Phong Điền;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Văn Đạt